

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 11 - 2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Lân và bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Á**, sinh năm 1989 (Vắng mặt – Xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh **Nguyễn Nghĩa H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt – Xin xét xử vắng mặt);

Cùng HKTT: **Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai, nguyên đơn chị **Phan Thị Á** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với chồng là anh **Nguyễn Nghĩa H**, sinh năm 1990; HKTT: **Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** (Hiện đang chấp hành án tại Đội phạm nhân 3, phân trại **số E**, Trại giam **T – Bộ C**, địa chỉ: **T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**) vào ngày 31/5/2012, trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 5 năm 2012, tại **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình anh **H** một thời gian rồi ra ở riêng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Mâu thuẫn hai bên gia đình có biết, có khuyên nhủ cho vợ chồng về với nhau nhưng không được. Nay xác định tình

cảm vợ chồng không còn, chị **Á** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **H**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Nghĩa B**, sinh ngày 19/8/2013 và cháu **Nguyễn Nghĩa Thanh B1**, sinh ngày 11/02/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị xin tự nguyện chịu án phí LHST.

Ngoài ra chị không có ý kiến gì khác.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai, bị đơn anh **Nguyễn Nghĩa H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với vợ là chị **Phan Thị Á**, sinh năm 1989; HKTT: **Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** vào ngày 31/5/2012 việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Hiện nay, anh đang phải chấp hành án tại **Đội 03 phân trại 05 Trại giam T**. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **Á** làm đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị **Á** vì tình cảm không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Nghĩa B**, sinh ngày 19/8/2013 và cháu **Nguyễn Nghĩa Thanh B1**, sinh ngày 11/02/2017. Khi ly hôn anh đồng ý để chị **Á** tiếp tục nuôi 02 con chung của hai vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn còn vắng mặt tại Tòa án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Phan Thị Á**, xử cho chị **Phan Thị Á** được ly hôn với anh **Nguyễn Nghĩa H**.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu **Nguyễn Nghĩa B**, sinh ngày 19/8/2013 và cháu **Nguyễn Nghĩa Thanh B1**, sinh ngày 11/02/2017 cho chị **Á** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **Phan Thị Á** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị **Phan Thị Á** có đơn xin ly hôn, theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Anh **Nguyễn Nghĩa H** có HKTT: **Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị **Phan Thị Á** và anh **Nguyễn Nghĩa H** trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đi đăng ký kết hôn ngày 31/5/2012, tại **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Khi kết hôn anh chị đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **Phan Thị Á** và anh **Nguyễn Nghĩa H** là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hoà thuận khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm không hợp nhau mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **Á** và anh **H** xác định tình cảm không còn.

Ngày 01/11/2023 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại **Trại giam T** nhưng do quy định của trại giam chị **Á** không được gặp trực tiếp anh **H**. Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị **Phan Thị Á** và anh **Nguyễn Nghĩa H** đều xác nhận tình cảm không còn. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị **Á** và anh **H** mâu thuẫn là có thật, chị **Á** làm đơn xin ly hôn, anh Hòa đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đến nay là trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức. Chị **Phan Thị Á** làm đơn xin ly hôn anh **Nguyễn Nghĩa H** là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Phan Thị Á**, xử cho chị **Phạm Thị Á1** được ly hôn với anh **Nguyễn Nghĩa H**.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Nghĩa B**, sinh ngày 19/8/2013 và cháu **Nguyễn Nghĩa Thanh B1**, sinh ngày 11/02/2017. Khi ly hôn chị **Á1** và anh **H** thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là cháu **Nguyễn Nghĩa B** và cháu **Nguyễn Nghĩa Thanh B1** cho chị **Á1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 02 con chung là cháu **Nguyễn Nghĩa B** và cháu **Nguyễn Nghĩa Thanh B1** cho chị **Á1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **H** được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị **Phan Thị Á** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Phan Thị Ánh**. Chị **Phan Thị Á** được ly hôn với anh **Nguyễn Nghĩa H.**

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Nguyễn Nghĩa B.**, sinh ngày 19/8/2013 và cháu **Nguyễn Nghĩa Thanh B1**, sinh ngày 11/02/2017 cho chị **Phan Thị Á** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **Phan Thị Ánh c** 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị **Phan Thị Á** đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2021/0002520 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND xã Đại Đồng;
- VKS huyện Tiên Du;
- THADS huyện Tiên Du;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quang